

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-PT

Ngày 20 - 3 - 2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán

Ông Phạm Ngọc Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh H - Sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 14, đường L, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc G - Tổ 01, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2018). Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị L - Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số nhà 005, đường L, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị X - Sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 14, đường L, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn của chị Nguyễn Thị X: Ông Phạm Ngọc G - Địa chỉ: Tổ 01, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2018). Có mặt tại phiên tòa.

- Anh Nguyễn Thành N - Sinh năm 1980. Địa chỉ: Số nhà 005, đường L, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X trình bày:

Anh Nguyễn Thanh H và chị Hoàng Thị L có mối quan hệ quen biết nhau qua anh Nguyễn Tiến D. Năm 2015, chị Hoàng Thị L có hỏi vay tiền anh Nguyễn Thanh H. Khi vay chị L cũng không nói vay và sử dụng vào mục đích gì. Anh H đồng ý và cho chị L vay số tiền 820.000.000đ. Số tiền này được vay làm nhiều lần và có viết giấy vay nợ, tuy nhiên, vì thời gian vay lâu dài nên đến tháng 01/2016 anh H và chị L có làm lại giấy vay nợ với nhau, chuyển số nợ từ năm 2015 sang năm 2016, chỉ chuyển năm vay còn ngày vay vẫn giữ nguyên như những giấy vay trước. Cụ thể như sau:

- Giấy vay tiền ngày 12/01/2016 vay 270.000.000 đồng đến nay chưa trả được.

- Giấy vay tiền ngày 15/01/2016 vay 300.000.000 đồng, chị L và anh N đã trả được 05 lần, cụ thể:

+ Lần 1 ngày 17/6/2016 chị L trả 50.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 250.000.000 đồng.

+ Lần 2 ngày 18/11/2016 chị L trả 10.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 240.000.000 đồng.

+ Lần 3 ngày 27/12/2016 chị L trả 17.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 223.000.000 đồng.

+ Lần 4 ngày 21/01/2017 chị L trả 13.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 210.000.000 đồng.

+ Lần 5 ngày 25/02/2017 anh N trả 50.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 160.000.000 đồng.

- Giấy vay tiền ngày 23/01/2016 chị L vay 250.000.000 đồng, chị L và anh N đã trả nhiều lần cụ thể:

+ Lần 1 ngày 23/5/2016 anh N trả tiền lãi tháng 4/2016 số tiền 15.000.000đồng, trả gốc 55.000.000đồng, số tiền còn lại là 195.000.000đồng.

- + Lần 2 ngày 29/6/2016, trả lãi 50.000.000đồng, còn nợ 145.000.000đồng.
- + Lần 3 ngày 01/9/2016 chị L trả 5.000.000đồng, nợ lại 140.000.000đồng.
- + Lần 4 ngày 23/10/2016, trả 20.000.000 đồng tiền gốc, nợ lại 120.000.000đồng. Lần 2, 3, 4 đều do chị L trả.
- + Lần 5 ngày 30/3/2017 anh N trả gốc 5.000.000đồng.
- Ngày 10/7/2017, tổng 3 khoản nợ còn lại là 545.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 20.000.000đồng tiền gốc và 4.500.000đồng tiền lãi. Các lần được trả như sau:
 - + Lần 1 ngày 10/7/2017 chị L trả 20.000.000 đồng còn lại 525.000.000đồng.
 - + Lần 2 ngày 30/8/2017, chị L trả 15.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 510.000.000đồng, nợ lại tiền lãi 3.000.000đồng.
 - Ngày 25/9/2017 anh N đến trả nợ thay cho chị L tại nhà anh H và chốt lại với anh H tổng còn nợ là 485.000.000đồng và có ghi người vay ký thay Nguyễn Thành N.
 - Ngày 31/10/2017, anh N đến trả 20.000.000đồng có ghi tổng còn 465.000.000đồng.
 - Ngày 30/11/2017, anh Nguyễn Thành N trả 20.000.000đồng, tổng còn 445.000.000đồng.
 - Ngày 30/12/2017 trả 20.000.000đồng, tổng còn 425.000.000đồng không ghi, chỉ ký tên Nguyễn Thành N.

Khi anh H cho chị L vay số tiền trên, chị Nguyễn Thị X (vợ anh H) là người trực tiếp đưa tiền cho chị L. Khi vay tiền chị L là người viết giấy vay tiền mặt, trong giấy chỉ ghi số tiền vay, không ghi thời hạn trả nợ và lãi suất vay mà thỏa thuận ngoài là lãi suất theo lãi suất ngân hàng và trả gốc dần theo tháng và trả vào ngày cuối tháng. Ngày 23/5/2016, chị L trả lãi cho anh H và ghi trong giấy là “*trả lãi tháng 4/2016 số tiền 15.000.000đ...*” nhưng thực tế đây là số tiền lãi của nhiều tháng cộng lại.

Từ tháng 02/2016 đến tháng 4/2016 chị L thanh toán được cho anh H 02 tháng tiền lãi, lãi suất theo lãi suất ngân hàng là 4.500.000đ/tháng, hai tháng chị L trả được cho anh H 9.000.000đ. Từ tháng 3/2016, chị L không thanh toán tiền lãi cho anh H nên anh H gọi điện thoại cho anh N (chồng chị L) thông báo về việc chị L có nợ vợ chồng anh H số tiền 820.000.000đ, anh N có đến gặp anh H và nói rằng đó là số tiền vợ chồng anh N nợ vợ chồng anh H nên anh N sẽ thay chị L hàng tháng trả nợ 20.000.000đ tiền nợ gốc, còn số tiền lãi hàng tháng sẽ do chị L trả. Sau đó anh N thay chị L trả tiền gốc đến 31/12/2017. Tổng cộng chị L và anh N đã trả được cho anh H số tiền nợ gốc là 395.000.000đồng. Từ đó đến nay, anh N chị L không trả cho anh H số tiền lãi và gốc nên anh H làm đơn khởi kiện yêu cầu chị L, anh N phải trả cho anh H số tiền gốc còn nợ là 425.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Năm 2015, do tôi có nhu cầu vay tiền nên em rể tôi là Nguyễn Tiến D (địa chỉ tổ 27, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai) dẫn tôi đến gặp anh H để vay tiền. Khi vay tiền tôi không nói cho anh H biết tôi vay tiền với mục đích gì và sử dụng vào việc gì. Tôi cũng không nói cho chồng tôi (anh Nguyễn Thành N) biết việc tôi vay tiền anh H.

Lần đầu tiên đến vay tôi có đi cùng anh D, còn từ những lần sau tôi chỉ đi một mình. Lần đầu tiên vay chính xác vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu tôi không nhớ nhưng chỉ khoảng 100 đến 200 triệu, sau đó vì hàng tháng tôi trả lãi đều cho anh H nên mới được vay tăng số tiền lên. Ngoài lần anh D đi cùng tôi thì tôi chỉ đi một mình đến nhà anh H vay tiền và việc vay tiền này ngoài tôi, anh H, chị X (vợ anh H) và lần có mặt anh D ra thì không có ai biết. Đầu năm 2016, do nhu cầu vay lâu dài tôi và anh H có làm lại giấy vay nợ với nhau, chuyển số nợ từ năm 2015 sang năm 2016, chỉ chuyển năm vay còn ngày vay vẫn giữ nguyên như những giấy vay trước. Cụ thể từng giấy vay như sau: lần 1 ngày 12/01/2016 vay 270.000.000đ, lần 2 ngày 15/01/2016 vay 300.000.000đ, lần 3 ngày 23/01/2016 vay 250.000.000đ. Tổng số tiền tôi vay anh H 820.000.000đ là đúng. Tất cả các lần vay đều được ghi vào một hợp đồng là giấy vay tiền mặt, tôi là người trực tiếp viết giấy ký tên người vay.

Khi vay tiền, chị X là người giao tiền cho tôi, tôi là người viết giấy vay, không ghi lãi suất mà chỉ thỏa thuận ngoài là lãi 3.000đ/1 triệu/ngày. Tôi không có căn cứ về việc anh H cho tôi vay tiền với lãi suất là 3.000đ/1 triệu/ngày. Số tiền trên tôi vay anh H mục đích để đầu tư vào bất động sản, chồng tôi không biết việc tôi vay tiền anh H. Tôi không dùng số tiền đã vay này để xây dựng nhà cửa hay để sử dụng, phục vụ cho gia đình.

Từ tháng 02/2016 (tức là kể từ ngày vay), hàng tháng tôi vẫn trả lãi đều cho anh H. Tuy nhiên khi trả lãi thì không ghi vào giấy chót nợ, duy nhất chỉ có ngày 23/5/2016 tôi có viết giấy đã trả số tiền lãi là 15.000.000đ là lãi của tháng 4/2016 và 55.000.000đ tiền gốc. Việc chồng tôi hàng tháng trả tiền cho anh H là chồng tôi giúp tôi khi gặp khó khăn còn chồng tôi không liên quan gì đến việc vay nợ giữa tôi và anh H. Tôi công nhận tôi và anh N đã thanh toán được cho anh H tổng cộng số tiền nợ gốc là 415.000.000đ trong đó có cả lần chồng tôi có giúp tôi trả 20.000.000đ tiền gốc vào tháng 01/2018 cho anh H, khi đó chị X là người nhận tiền nhưng chồng tôi không ghi và không ký vào giấy chót nợ, tôi cũng không có căn cứ để chứng minh việc đã trả số tiền 20.000.000đ tiền gốc cho anh H. Vì vậy, tôi xác định đến nay chỉ còn nợ anh H số tiền nợ gốc là 405.000.000đ.

Tôi không nhất trí khoản nợ 425.000.000đ là khoản nợ chung của vợ chồng. Tôi sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ này cho anh H và chị X.

Tại tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:

Tôi là chồng chị Hoàng Thị L, chúng tôi có mối quan hệ họ hàng với anh Nguyễn Thanh H. Tôi không biết việc vợ tôi vay tiền anh Nguyễn Thanh H như thế nào, vay với số tiền bao nhiêu, mục đích vay để làm gì, khi vay tiền chị L cũng không nói với tôi. Tôi không biết chị L vay tiền ai, vay vào thời gian nào, địa điểm vay ở đâu, vay cụ thể số tiền là bao nhiêu...tôi không nắm được và tôi cũng không biết, không liên quan đến việc vay tiền này. Đến khoảng tháng 3/2016, tôi thấy nhiều người đến đòi nợ vợ tôi, trong đó có anh H. Tôi yêu cầu chị L kê các khoản nợ thì tôi biết chị L nợ tiền anh H. Ngoài ra anh H có gọi điện thoại cho tôi, tôi cũng xuống gặp anh H, chị X, lúc đó tôi mới biết vợ tôi vay số tiền của anh H, chị X là 820.000.000đ. Tôi cũng nói với anh H vì anh H là chỗ thân quen nên tôi sẽ trả giúp cho chị L, ưu tiên trả khoản nợ của anh H trước, có bao nhiêu trả bấy nhiêu. Anh H cũng đồng ý, qua nhiều lần trả tiền đến ngày 30/12/2017, tổng số tiền còn nợ là 425.000.000đ. Từ đó đến nay gia đình tôi làm ăn gặp khó khăn nên tôi không trả giúp chị L được nữa.

Tôi khẳng định khoản nợ này không liên quan đến tôi việc vay tiền là của cá nhân chị L, số tiền này chị L phải có trách nhiệm thanh toán cho anh H chị X.

Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H.

Buộc chị Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X số tiền gốc còn nợ là 425.000.000đ (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 27/12/2018, anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Thành N phải chịu trách nhiệm liên đới cùng chị L trả 425.000.000đ cho anh H chị X.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành phát luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm không tuyên buộc anh Nguyễn Thành N phải liên đới chịu trách nhiệm cùng chị Hoàng Thị L trả nợ là

sai, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X, căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổng số tiền chị L vay của anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X là 820.000.000 đồng, anh Nguyễn Thành N và chị Hoàng Thị L đã trả được 395.000.000đ, số tiền còn nợ lại là 425.000.000đ. Về số tiền vay và số tiền đã trả các đương sự đều đã thống nhất và nhất trí, các bên đương sự đều thống nhất khi chị L vay tiền của anh H chị X thì anh N là chồng của chị L không tham gia, giấy vay tiền do chị L viết và ký tên, bên cho vay anh H chị X cũng không biết mục đích vay tiền của chị L.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X:

Theo bản tự khai của chị L thì toàn bộ số tiền chị vay của anh H chị X là để kinh doanh bất động sản.

Giấy vay tiền ngày 23/5/2016 phân trả nợ anh N đã trả nợ thay chị X 60.000.000đ (Trong đó tiền lãi 15.000.000đ và gốc 55.000.000đ).

Giấy vay tiền ngày 15/01/2016 phân trả nợ ngày 25/2/2017 anh N đã trả 50.000.000đ.

Giấy vay tiền ngày 23/01/2017 phân người trả nợ, anh N đã trả 5.000.000đ tiền gốc, sau ngày 25/9/2017 thì chị L không còn trả tiền cho anh H chị X nữa,

Tại giấy xác nhận nợ ngày 25/9/2017 anh N viết giấy xác định tổng còn nợ 485.000.000đ (BL 58) và tại phân trả nợ ghi ngày 31/10/2017 anh N trả 20.000.000đ, ngày 30/11/2017 anh N trả 20.000.000đ, ngày 30/12/2017 anh N trả 20.000.000đ và xác định tổng nợ còn 425.000.000đ.

Ngoài các lần anh H trực tiếp trả tiền trên thì theo bản tự khai chị L còn xác định “lần thì chồng tôi đưa tiền cho tôi đi trả”. Tôi công nhận tôi và anh N đã thanh toán được cho anh H tổng cộng số tiền nợ gốc là 415.000.000đ

Tại Biên bản hòa giải ngày 5/11/2018 và 15/11/2018 (BL 90, 98) anh N trình bày khoảng tháng 3/2016 được anh H thông báo mới biết chị L nợ anh H 820.000.000đ nên tôi đứng ra trả giúp cho chị L, qua nhiều lần trả nợ số tiền nợ còn lại là 425.000.000đ, bản tự khai ngày 05/9/2018 anh N viết “Tôi cũng có hứa với anh H vì là vợ chồng, vì con cái tôi sẽ trả giúp chị L... anh H đồng ý”.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị L cũng thừa nhận từ năm 2013 chị L đã cùng chồng là anh Nguyễn Thành N vay tiền ngân hàng để mua một thửa đất tại phường Nam Cường sau đó chị đã bán đi và vay thêm tiền để kinh doanh mua

bán đất, số tiền lãi có được chị đã dùng chi tiêu sinh hoạt chung của gia đình nhưng sau này do kinh doanh thua lỗ nên chị đã không có tiền trả nợ.

Tổng hợp các chứng cứ trên đã đủ căn cứ để khẳng định chị L vay tiền là để phát triển kinh tế chung của gia đình, sau khi kinh doanh thua lỗ, anh Nguyễn Thành N là chồng chị L đã chấp nhận việc vay tiền của chị L và cùng chị L trả nợ cho anh Nguyễn Thanh H chị Nguyễn Thị X. Vì vậy, việc anh H chị X yêu cầu anh N phải chịu trách nhiệm liên đới cùng chị L trả nợ là có căn cứ cần được chấp nhận và sửa bản án theo nhận định trên, buộc chị L anh N phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh H chị X 425.000.000đ; phần cụ thể anh N phải trả là 212.500.000đ, chị L phải trả 212.500.000đ.

[3] Xét bản án sơ thẩm: Bản án sơ thẩm đã xác định khoản tiền mà chị L vay của anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X không sử dụng vào mục đích chung của gia đình nên không buộc anh Nguyễn Thành N phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ như đã phân tích ở trên là không có căn cứ pháp luật.

[4] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc anh N và chị L cùng phải trả nợ nên anh N và chị L đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và người kháng cáo anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H.

Buộc chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Thành N phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X 425.000.000đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Phần cụ thể: Anh Nguyễn Thành N phải trả cho anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X 212.500.000đồng (*Hai trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng*), chị Hoàng Thị L phải trả cho anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị X 212.500.000đồng (*Hai trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

2. Về án phí:

Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Thành N mỗi người phải chịu 10.625.000đồng (*Mười triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh H 11.095.000đ (*Mười một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005407 ngày 20 tháng 8 năm 2018 và 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005747 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Chị Nguyễn Thị X không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị X 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc tại biên lai số 0005748 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa